

NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA NGÀNH NGÂN HÀNG VIỆT NAM

trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội

TS. NGUYỄN ĐẠI LAI *

Trong nền kinh tế thị trường, sự phân bổ các nguồn lực - Theo đó, phân bổ cơ cấu kinh tế và phân chia của cải xã hội được dựa chủ yếu vào các qui luật của thị trường như: cung - cầu, giá trị, cạnh tranh... được biểu hiện qua hình thức tiến tệ. Vì vậy, còn có cách gọi khác của kinh tế thị trường là kinh tế tiến tệ. Với đặc trưng đó, mặc nhiên ngành Ngân hàng cùng những hoạt động dịch vụ của nó đã trở thành một trong những công cụ hàng đầu để điều hành kinh tế vĩ mô của mỗi quốc gia có nền kinh tế thị trường.

NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA NGÀNH NGÂN HÀNG

Nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành Ngân hàng Việt Nam nói riêng đã trải qua hơn 10 năm kinh nghiệm chuyển đổi sang cơ chế thị trường, đã thu được những thành tựu ban đầu rất khả quan. Đồng thời cũng đã và đang tiếp tục phải đối mặt với những thách thức suốt tiến trình đổi mới, nhất là trong bối cảnh tự do hoá thương mại và hội nhập kinh tế đang vận động mạnh mẽ theo xu hướng toàn cầu hoá mà Việt Nam không nằm ngoài tiến trình khách quan này. Với trọng trách là một ngành kinh tế huyết mạch trong quá trình chuyển đổi cơ chế kinh tế đất nước, những năm qua ngành Ngân hàng Việt Nam đã có những đóng góp rất quan trọng - Trước hết là trong việc đổi mới hoạt động và đổi mới chính sách tiền tệ. Những cột mốc quan trọng sau đây nói rõ điều đó:

- Trước năm 1999 là quá trình vừa đổi mới, vừa điều chỉnh hoạt động

thích ứng với cơ chế thị trường. Quá trình phân phối nguồn lực của nền kinh tế đã từng bước căn bản sử dụng công cụ tiền tệ.

- Đến hết năm 1999 đã căn bản khắc phục xong hiệu ứng trễ của cuộc khủng hoảng tiền tệ khu vực, góp phần kéo lạm phát từ mức 9,2% năm 1998 xuống còn 0,1% năm 1999. Tiếp đó là quá trình chủ động kiểm chế và kiểm soát lạm phát (Năm 1999: 0,1%; 2000: -0,6%; 2001: -0,2%; 2002: 4%; 2003: 3%; 2004: 9,5%).

- Từ năm 1999 đến năm 2001 đã căn bản cơ cấu lại tổng thể các ngân hàng thương mại (NHTM) cổ phần và hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân, theo đó đã tăng cường được tiềm lực tài chính, năng lực hoạt động và có những giải pháp xử lý thích ứng đối với những đơn vị yếu, kém.

- Bắt đầu từ năm 2000 đã đổi mới căn bản cơ chế điều hành tỷ giá hối đoái từ chỗ công bố tỷ giá chính thức theo tín hiệu thị trường với từng khoảng thời gian có hiệu lực tương đối dài sang cơ chế công bố tỷ giá theo động thái hàng ngày của thị trường ngoại tệ. Cơ chế này hiện vẫn đang phát huy được tác dụng rất tích cực.

- Từ năm 2000 đã đẩy mạnh hơn quá trình tự do hoá lãi suất và đến 6/2002 đã thực hiện cơ chế lãi suất thả nổi và tự do hoá hoàn toàn lãi suất trên thị trường tín dụng thương mại.

- Từ năm 2001 đến nay đã xây dựng và triển khai mạnh mẽ để án cơ cấu lại các NHTM nhà nước - Theo đó, đã thành lập Ngân hàng chính sách xã hội tách ra khỏi NHTM nhà

nước, đã căn bản cơ cấu lại tài chính, đang đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại nghiệp vụ và tiến tới từng bước cơ cấu lại sở hữu đối với các ngân hàng này.

- Từ năm 1999 đến năm 2003 về cơ bản đã thực hiện thành công việc điều hành một chính sách tiền tệ kích cầu góp phần chống giảm phát và thúc đẩy xuất khẩu, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đạt mức bình quân trên 7,3%/năm trong 6 năm liền (1999-2004).

- Từ quý II/2004 đến nay đã căn bản thành công trong việc điều hành một chính sách tiền tệ thận trọng có kiểm soát. Nhờ đó, đã trực tiếp góp phần chống lại nguy cơ bùng nổ lạm phát vào năm 2004 và những tháng đầu năm 2005.

Từ hơn 10 năm nay, ngành Ngân hàng đặc biệt có vai trò quan trọng trong việc đổi mới chính sách tín dụng theo hướng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Khi thị trường tài chính chưa phát triển đồng bộ thì những năm qua ngành Ngân hàng đã tham gia cung ứng bình quân tới gần 70% tổng vốn đầu tư toàn xã hội hàng năm (với vai trò là trung gian tài chính). Trong đó hầu hết các NHTM đã cung ứng tín dụng bình đẳng với mọi thành phần, mọi ngành. Ngành Ngân hàng ngày càng trở thành Ngân hàng của toàn dân. Bảng cơ cấu và tăng trưởng tín dụng toàn ngành 3 năm qua cho thấy rõ tính ưu việt của chính sách tín dụng ngân hàng (*Xem biểu trang 25*)

Trong suốt quá trình phát triển kinh tế đối ngoại của đất nước những năm qua, ngành Ngân hàng đóng vai trò hầu như duy nhất trong lĩnh vực dịch vụ thanh toán và dịch vụ tín dụng

* Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

TT	Ngành	2002		2003		2004	
		Tỷ trọng	Tăng trưởng	Tỷ trọng	Tăng trưởng	Tỷ trọng	Tăng trưởng
1	Nông, lâm, ngư nghiệp	29,6%	44,3%	29,4%	26,9%	29,7%	28,2%
2	Công nghiệp	25,4%	34,6%	25,1%	26,0%	25,1%	26,9%
3	Xây dựng	13,9%	32,55	13,9%	27,5%	14,2%	29,7%
4	Thương nghiệp sửa chữa... và khách sạn nhà hàng	17,2%	15,5%	17,2%	28%	17,7%	30,7%
5	Giao thông vận tải	5,2%	42,0%	5,7%	39,4%	5,6%	25,0%
6	Ngành khác	8,5%	5,8%	8,7%	31,0%	7,7%	12,1%
	Tổng số	100%	30,5%	100%	28,0%	100%	26,9%

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

xuất - nhập khẩu. Góp phần thúc đẩy kinh tế xuất, nhập khẩu có những bước tăng trưởng vượt bậc từ mức xấp xỉ 2 tỷ USD tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 1990 lên trên 50 tỷ USD năm 2004 (trong đó xuất khẩu đạt 26 tỷ USD), đạt mức tăng trưởng bình quân tới trên 25%/năm trong hơn 10 năm qua.

Trong những năm qua, Ngân hàng cũng là một trong số ngành đứng hàng đầu trong топ những ngành có đóng góp lớn nhất cho NSNN ở mức trên 2000 tỷ đ/năm.

Ngành Ngân hàng đã xây dựng kế hoạch và lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế trong lĩnh vực Ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số 663/2003/QĐ-NHNN ngày 26/6/2003. Các định hướng lớn bao gồm:

- + Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng theo lộ trình và bước đi phù hợp với khả năng của hệ thống Ngân hàng Việt Nam;
- + Thực hiện các cam kết quốc tế

về lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng, trước hết là Hiệp định thương mại Việt - Mỹ, Hiệp định khung về thương mại dịch vụ (AFAS) của ASEAN và hướng tới gia nhập WTO dự kiến cuối năm nay (2005);

+ Tăng cường vai trò ảnh hưởng của hệ thống Ngân hàng Việt Nam đối với thị trường tài chính khu vực và quốc tế.

+ Phát hành và niêm yết chứng khoán của NHTM Việt Nam trên thị trường chứng khoán trong nước và trên thị trường tài chính quốc tế...

+ Tham gia các điều ước quốc tế, các câu lạc bộ, các diễn đàn khu vực và quốc tế về tiền tệ, ngân hàng.

+ Tăng cường áp dụng các thông lệ và chuẩn mực quốc tế về hoạt động NHTM - Đặc biệt là chuẩn mực kế toán, kiểm toán, qui chế quan hệ bắt buộc giữa các ngân hàng trung gian với Ngân hàng Trung ương (NHTW) về tái cấp vốn, thị trường mở, thanh toán quốc gia và thanh tra - giám sát ngân hàng;

+ Mở cửa thị trường ngân hàng, nơi lỏng các hạn chế về quyền tiếp cận và hoạt động của ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

+ Xoá bỏ dần các giới hạn đối với các ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam về số lượng đơn vị; hình thức pháp nhân; tỷ lệ góp vốn của bên nước ngoài; tổng giao dịch nghiệp vụ ngân hàng; mức huy động vốn VND; loại sản phẩm, loại dịch vụ...

+ Xây dựng khuôn khổ pháp lý hoàn chỉnh và phù hợp với luật lệ quốc tế để tạo sân chơi bình đẳng cho các NHTM không phân biệt thành phần sở hữu trên lãnh thổ Việt Nam cùng phát triển và cạnh tranh lành mạnh...

Đó cũng chính là những thành tựu trong nỗ lực phấn đấu để đạt tới và từng bước đáp ứng trình độ gia nhập WTO trong lĩnh vực dịch vụ ngân hàng của Việt Nam.

Từ những nỗ lực nói trên đã đưa đến kết quả tổng hợp là: Liên tục trong 6 năm qua, hoạt động ngân hàng đã trực tiếp góp phần kiểm soát được lạm phát và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bình quân 7,124%/năm (năm 2000 đạt 6,79%; 2001: 6,89%; 2002: 7,08; 2003: 7,26 và 2004: 7,6%).

NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI NGÀNH NGÂN HÀNG

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu to lớn mà ngành Ngân hàng Việt Nam đã đóng góp cho sự nghiệp phát triển và đổi mới cơ chế kinh tế đất nước trong những năm qua, trước nhu cầu mới, ngành Ngân hàng Việt Nam cũng đang phải đối mặt với



những thách thức không nhỏ. Hiện nay và những năm tiếp theo, *một số vấn đề lớn sau đây đang được và cần phải tập trung trí tuệ, sức lực của toàn ngành cùng sự quan tâm, hợp tác của Chính phủ, các Bộ, ngành và địa phương trên cả nước để đẩy mạnh hơn nữa quá trình nghiên cứu phát triển và phát triển trong sự đổi mới, trong lộ trình hội nhập.*

- Vấn đề hoạch định và tổ chức triển khai chiến lược phát triển của toàn Ngành.

- Vấn đề cơ cấu lại mô hình tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam từng bước trở thành NHTW hiện đại.

- Vấn đề hoạch định và thực hiện chính sách tiền tệ, trong đó những nội dung cơ bản gồm: Cơ chế cung ứng tiền, chính sách lãi suất, chính sách với ngân sách nhà nước, cơ chế truyền tải của chính sách tiền tệ đến nền kinh tế, chính sách quản lý lưu thông tiền tệ - khắc phục tình trạng một nền kinh tế tiến mặt và đôla hoá

tràn lan nhằm đạt mục tiêu số 1 là ổn định tiền tệ, kiểm soát lạm phát...

- Vấn đề đổi mới công nghệ thanh toán, tiến tới áp dụng mô hình thanh toán toàn ngành, đổi mới căn bản nền văn minh ngân hàng ở Việt Nam...

- Vấn đề đổi mới nghiệp vụ và mô hình hoạt động của Thanh tra Ngân hàng.

- Vấn đề cơ cấu lại nghiệp vụ của các NHTM nhà nước nói riêng và các định chế tài chính nói chung, bao gồm cả vấn đề cổ phần hoá các NHTM nhà nước và những vấn đề quản trị kinh doanh đặt ra sau cổ phần hoá.

- Vấn đề lành mạnh hoá môi trường hoạt động ngân hàng trên cơ sở khuyến khích phát triển thị trường tài chính nói chung, thị trường tiền tệ

- tín dụng nói riêng nhưng phải đặt trong sự quản lý nhà nước của NHTW đối với toàn bộ hoạt động lưu thông tiền tệ - tín dụng và dịch vụ ngân hàng.

- Vấn đề đổi mới toàn ngành phải

đặt trong điều kiện phù hợp với thông lệ và hội nhập quốc tế, đặc biệt là các chuẩn mực về an toàn, về kế toán và phương thức quản trị doanh nghiệp hiện đại đòi hỏi phải đổi mới theo chiều sâu và có giải pháp khả thi trên cơ sở vận dụng sáng tạo được cả 3 phương thức: tuần tự, đuổi bắt, đón đầu và hình thành các mô hình liên kết trong phát triển...

Việc đổi mới những vấn đề cơ bản nói trên sẽ tất yếu đòi hỏi sự thay đổi cũng căn bản về pháp lý, mô hình tổ chức, sự gắn kết giữa đào tạo với sử dụng nguồn nhân lực và hiện đại hoá công nghệ thông tin, công nghệ quản lý chuyên ngành Ngân hàng theo hướng CNH-HĐH... Đó là những vấn đề cần phải được đặt ra như là những điều kiện tiên quyết để mở đường cho Ngân hàng Việt Nam vượt qua những thách thức trong quá trình phát triển của ngành gắn với sự nghiệp phát triển của kinh tế - xã hội Việt Nam.

N.Đ.L